

## Câu chuyện

### *Bên kia đèo Mã Phục*

Năm 2016 tôi viết cuốn tự truyện xưng tên là Như<sup>(1)</sup>.

Cũng cần nhắc gọn lại để dẫn dắt có đầu có đuôi cho những trang viết về sau.

Tôi chính quê ở Thái Bình.

Bố tôi theo gia đình lên Cao Bằng, lấy mẹ tôi. Mẹ tôi là cháu gái ông tri châu Cao Sơn nên tôi có một phần tư máu dân tộc Tày.

Tôi sinh ra ở Cao Bằng khi bố tôi là nhà nhiếp ảnh đầu tiên ở Quảng Uyên và Trùng Khánh.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bố tôi đưa gia đình về quê. Nhưng quê nhà ngập lụt, không có đất đai, bố tôi lại đưa vợ con trở lại

(1) *Bên kia đèo Mã Phục* đã được Nhà xuất bản Kim Đồng xuất bản, năm 2017. (Chú thích của Biên tập - BT).

Cao Bằng kiếm sống. Trên đường qua Na Sầm bị giặc cướp chặn cướp sạch sành sanh. Cả nhà tạm dừng chân ở thị xã vào dịp giáp Tết Bính Tuất. Bố tôi đèo vải vóc đạp xe trên sáu mươi cây số lên Trùng Khánh để bán kiếm tiền Tết cho vợ con. Bố tôi bị mất tích trong chuyến đi định mệnh ấy và để lại nhiều ẩn ức cho cuộc đời tôi mãi về sau này.

Mẹ tôi một nách hai con không nương tựa vào đâu. Muốn trở về quê cũng không thể. Kháng chiến chống Pháp đã bắt đầu bùng nổ. Trong cơn bĩ cực, mẹ tôi đành nhận làm vợ kế của ông Bế Văn Tông, người Tày ở Trà Lĩnh.

Bố dưỡng tôi là người thật thà, chân chất, không biết chữ.

Tôi sống hòa đồng với các anh chị em con bố dưỡng. Tôi cũng đi chăn trâu, lấy củi và chơi đùa với các bạn trong bản. Đôi khi quên cả tiếng Kinh.

Quân Pháp chiếm đóng thị xã Cao Bằng. Ông bà ngoại tôi cùng các dì cũng chạy tản cư vào Trà Lĩnh. Ông ngoại tôi vốn là thông phán thời trước. Trong một đợt càn quét vào Trà Lĩnh, lính Pháp bắt ông đi theo làm phiên dịch cho chúng, ông kiên quyết khước từ, chúng đã giết ông trước khi rút đi.

Bà ngoại tôi xưa là một bà nàng xinh đẹp con ông tri châu. Ban đêm, anh em tôi và các em con dì thường quây quần nghe bà kể chuyện cổ tích và những câu ca dao Tày. Cho mãi sau này tôi vẫn nhớ những câu chuyện li kì về nhân vật Ý Pịa, Nùng Trí Cao và những câu đố, câu thoại, đại loại: *Mác pàng tốc bí búm, giã đin kin nàng tiên*<sup>(1)</sup>...

(Năm 1979, quân Trung Quốc xâm lược nước ta, ùa vào Trà Lĩnh, Cao Bằng quê tôi. Khi ấy bà tôi đã chín mươi tuổi, được dưỡng tôi công lên hang núi trú ẩn. Quân giặc bao vây, dưỡng tôi không lên tiếp tế được. Đến khi giặc rút, lên đón thì bà tôi đã mất vì đói và khát...)

Nhà bố dưỡng tôi thuộc diện trung nông. Nhà sàn có hai mươi tư cột cái chia ra nhiều gian phòng. Bên dưới là chuồng trâu.

Gia đình rất đông người. Một bà mẹ già, một thím ở góa và cậu con trai bằng tuổi tôi. Một cô em gái xinh đẹp, nhưng bướng cổ nên ế chồng. Rồi một bầy con bốn đứa và hai anh em tôi.

Mẹ tôi vốn là tiểu thư con nhà nhưng nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh, và nhờ trí

(1) Tiếng Tày, nghĩa là: *Bưởi rơi lông bông, phù thủy ăn thịt nàng tiên*. (Chú thích của Tác giả – TG).

thông minh, chẳng bao lâu đã quán xuyến tất cả mọi việc vào nền nếp. (Sau này vào tổ đổi công rồi lên hợp tác xã nông nghiệp, mẹ tôi còn được bầu là phó chủ nhiệm hợp tác xã).

Bấy giờ thu hoạch không đủ ăn. Bữa cơm chủ yếu trộn ngô, rau rừng và rau vườn nhà. Tôi hay ốm yếu. Bị sốt rét, chỉ được điều trị bằng thuốc kí ninh đắng nghét. Da bủng và bụng phình to, gọi là “bụng báng”. Có lần tôi bị cảm hàn, gọi là bị “trúng gió”. Di chứng còn lại là miệng hơi bị lệch mỗi khi cười và tai nghễnh ngãng từ khi còn nhỏ. Tôi cùng chú em họ được bà dì dạy học chữ theo kiểu đánh vần “O tròn như quả trứng gà”.

Lớp học đầu tiên của cả huyện được mở ngay tại bản Nà Thấu của tôi.

Gọi là lớp, nhưng chỉ kê mấy tấm ván trên sàn nhà bác hàng xóm. Chỉ có trên hai chục học trò lớn nhỏ khác nhau, chia thành hai lớp học chung. Trong khi thầy dạy lớp 1 đọc chính tả thì lớp 2 cầm cúi làm toán.

Tôi được dịp học cả hai lớp.

Vào kì nghỉ hè mẹ dẫn tôi đến gửi ông chú, xưa vốn là thầy giáo mở hàng phở tận Pò Nam, Phục Hòa để học thêm. Pò Nam chỉ cách Đông Khê hơn

chục cây số. Năm ấy, quân ta bắc cầu phao qua sông Bằng, vượt sông tiến về công đồn Đông Khê. Dân công hỏa tuyến nườm nượp gánh gỗ, ngủ ngay trên đường trước cửa nhà ông chú tôi. Quân Pháp cho máy bay quần thảo thả bom chùm xuống làm cá chết trắng mặt sông. Trong một trận giặc thả bom nổ ngay trên đường. Tôi chạy không kịp, bị ngã, được một chị dân công công vào hang, thoát chết. Mẹ tôi vội đến đón tôi về Trà Lĩnh.

(Trong chiến dịch này, bộ đội ta xuất hiện tấm gương chiến đấu của Anh hùng La Văn Cầu người Trùng Khánh. Thuở nhỏ tôi đã được gặp anh. Và sau này có nhiều dịp chụp ảnh cùng với anh).

Sang năm học mới dân trong vùng dựng lên một ngôi trường vách trát đất, mái lợp tranh bên ngọn núi đá vôi nhỏ cạnh bản.

Trường có hẳn giáo viên từ miền xuôi thoát li đi kháng chiến tới giảng dạy. Thầy giáo kiểm tra học lực của người mới nhập học. Tôi được vào lớp 3, tức là nhảy một lớp. Tuổi học trò chênh lệch khác nhau. Anh lớp trưởng đã có vợ, còn tôi út ít nhỏ bé nhất lớp.

Lên lớp 4, rơi rụng chỉ còn đúng mười một học sinh.

Ngày ấy, cả miền Đông Cao Bằng (Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Hạ Lang, Quảng Uyên) mới chỉ có một trường cấp hai ở Trùng Khánh. Muốn nhập học phải qua một kì thi tuyển: hai trăm thí sinh chọn một trăm hai mươi người vào hai lớp 5.

Trà Lĩnh chỉ có bốn người đủ điều kiện sang thi và đỗ cả.

Tôi được xếp vào lớp 5B.

Và cậu bé mười hai tuổi phải vượt ba mươi cây số đường rừng đi trọ học.

## Sống trong hang như thời cổ đại!

Xưa xưa, Trùng Khánh từng là một đơn vị hành chính gọi là “phủ” – Phủ Trùng Khánh.

Trung tâm phủ có tên gọi dân gian là Co Sầu.

Đó là một thung lũng các-xtơ<sup>(1)</sup>, bao vây bởi khối núi đá vôi trùng điệp. Giữa phủ là một ngọn núi đá vôi sót lại, gọi là Phja Phủ (núi phủ). Những năm tháng kháng chiến chống thực dân Pháp, Trùng Khánh là nơi dân cư tứ xứ tản cư đến. Nhà tranh vách nứa lụp xụp vây quanh ngọn núi này để tránh máy bay Pháp.

Mẹ gửi tôi từ Trà Lĩnh sang ở nhờ bá Kính – con gái của ông bác (anh ruột ông nội tôi).

Nhà bá Kính chiếm lĩnh một hang đá lung chừng Phja Phủ. Cửa hang mở là một mái đá

(1) Karst: Hiện tượng phong hóa đặc trưng của những miền núi đá vôi bị nước chảy xói mòn. (BT).

chìa ra. Trừ trường hợp có bão, thường mưa không hắt vào. Trong hang kê một tấm giát giường cho cả nhà lớn bé ngủ chung. Nhà không có hòm xiềng hay tủ đựng, quần áo được cất vào rất nhiều hốc đá. Có một hốc khe rộng và khô ráo được dùng làm bếp núc nấu nướng. Nước mưa được trữ trong chiếc ang sành dùng rất dè sẻn. Buổi sớm chỉ quệt mắt và xúc miệng bằng nửa ca nước, chưa biết thuốc đánh răng là gì. Tắm táp, giặt giũ phải ra con suối Cổng Đồn.

Chỉ có con đường độc đạo trèo lên đỉnh núi. Nhà chẳng có gì che chắn, và cũng chẳng mấy khi có người đi qua, chỉ có ông già quét chợ được cử lên canh gác máy bay. Ông sống độc thân trong căn nhà như chiếc tổ chim áp vào vách núi, lên xuống bằng thang dây. (Sau này nhà thơ Bế Thành Long sáng tác một truyện ngắn đăng trên *Văn nghệ Quán đội*, lấy nguyên mẫu là ông già này).

Phja Phủ có một hang thôn xuyên qua núi. Đó là xứ sở ngự trị của bầy dơi. Tôi hay lợ mọ thám hiểm đi qua hang đến đường phố bên kia. Tại cửa hang còn có miếu hoang thờ ông Quan Công.

Lại nói về gia cảnh nhà bá Kính.

Bác giai làm thợ ảnh, nhưng thất nghiệp, thảng hoặc có sự kiện gì đó bác mới hành nghề

bằng chiếc máy ảnh cổ lỗ sĩ. Máy ảnh lắp trên bộ chân chống, bác chùm đầu bằng vải đen, đếm một hai ba, mở ống kính ra và đóng lại để lấy hình ảnh.

Bá Kính có gánh hàng vật chạy chợ phiên. Hằng ngày nấu kẹo bột, kẹo bi cho các con, kể cả tôi mang đến trường bán.

Nhà bác đông con lít nhít. Anh cả tên là Boong, lớn hơn tôi hai tuổi, nhưng học dưới tôi hai lớp. Anh có tính lêu têu nhưng tốt bụng, sau này thường nói đùa với các con tôi:

“Bố các cháu nhanh nhẩu đoảng, một năm nhảy hai lớp; còn bác đây hai năm học một lớp cho chắc dạ.”

Sau anh Boong có có chị Nga, chị Nhu... sáu người. Rồi nhà thêm tôi nữa là bảy. Bố dựng và mẹ hằng tháng gửi gạo hoặc ngô sang đóng góp bữa ăn cho tôi. Nhưng nói chung vẫn nhờ hai bác cư mang là chính.

Tôi cũng chịu cảnh đói rét như các con hai bác.

Tôi còn nhớ nạn chảy rệp ngày ấy thật kinh khủng.

Rệp bám đầy quần áo và màn ngủ. Ban đêm dùng đèn Hoa Kỳ đốt rệp cháy kêu lép lép và bốc mùi khét lẹt. Rệp ẩn trong giát giường. Ngày nắng

đem giát ra phơi và đổ nước sôi vào kẽ giát mà vẫn không diệt nổi. Rệp chui vào đẻ trứng trong cặp quần, trong khe thắt lưng.

Trên đầu tóc chúng tôi cũng là ổ chấy, trứng chấy màu trắng kết chùm trên từng sợi tóc.

Lại còn nạn ghẻ nữa. Cái ghẻ chui vào các kẽ tay, ngứa gãi sồn sột. Chúng tôi rất thiện nghệ, dùng kim khâu dò theo lạch ngầm để truy tìm cái ghẻ bé tí rồi “tiêu diệt” một cách thích thú.

Từ hang núi ấy, buổi sáng chúng tôi cắp sách vào Bản Đà xa khoảng ba cây số. Trường cấp 2 tranh tre nứa lá được học sinh tự dựng lên, nép bên chân núi để tránh máy bay địch.

Hằng ngày, trường cử một học sinh lên đỉnh đồi gác máy bay. Khi có keng, thầy trò chạy vào núp trong hang đá ngay bên cạnh.

Tôi đi học hai năm ở Bản Đà.

Năm 1954, sau ngày Giải phóng Điện Biên, trường chúng tôi mới chuyển về cơ sở xây dựng tại trung tâm phố Co Sầu.

Và gia đình bá Kính cũng rời hang về dựng nhà tranh giữa phố.